Ký bởi: Văn phòng Ủy ban Nhân dân
Email: ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 24.07.2019 10:05:19 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3083 /QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4763/TTr-STNMT-VP ngày 19 tháng 6 năm 2019 và 4816/TTr-STNMT-VP ngày 20 tháng 6 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường, gồm:

- 03 thủ tục mới ban hành trong lĩnh vực khoáng sản.

- 03 thủ tục được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khí tượng, thủy văn.

- 01 thủ tục bị bãi bỏ (do được thay thế) trong lĩnh vực khoáng sản.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2019.

Bãi bỏ nội dung công bố cho thủ tục có thứ tự I.9, III.1, III.2 và III.3 được ban hành kèm theo Quyết định số 4052/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- TTUB: CT;
- Trung tâm Tin học; Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, KSTT/L.10.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thành Phong

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3083 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực khoáng sản					
01	Chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tài nguyên và Môi trường (Địa chỉ: số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1)	Không	Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	Trong thời hạn 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tài nguyên và Môi trường (Địa chỉ: số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1)	Không	Nghị định 158/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật khoáng sản. Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3	Cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình	Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 05 ngày. Thời hạn thẩm định, cấp phép, trả kết quả: * Cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 110 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ * Điều chỉnh Giấy	Sở Tài nguyên và Môi trường (Địa chỉ: số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh)	Theo phụ lục đính kèm Không Theo	Nghị định 158/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản. Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		phép khai thác khoáng sản: 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. * Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình: 67 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		phụ lục đính kèm	

II. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực khí tượng, thủy văn						
01	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho tổ chức, cá nhân thực hiện dự báo, cảnh báo khí tượng thủy	Không	- Luật khí tượng thủy văn 2015. - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều của luật khí tượng thủy văn - Nghị định	Thời hạn giải quyết: Thời hạn giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường là 10 ngày làm việc Thời hạn giải quyết tại Ủy ban nhân dân thành phố là 05 ngày làm việc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			văn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh Địa chỉ: số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1		số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường - Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.	
02	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị giấy phép	Không	- Luật khí tượng thủy văn 2015. - Nghị định số 38/2016/NĐ-	Thời hạn giải quyết: + Thời hạn giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho tổ chức, cá nhân thực hiện dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1		CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều của luật khí tượng thủy văn - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường - Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy	là 10 ngày làm việc + Thời hạn giải quyết tại Ủy ban nhân dân thành phố là 05 ngày làm việc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					ban nhân dân thành phố.	
03	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho tổ chức, cá nhân thực hiện dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh Địa chỉ: số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1	Không	- Luật khí tượng thủy văn 2015. - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều của luật khí tượng thủy văn - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường - Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các thủ	Thời hạn giải quyết: + Thời hạn giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường là 03 ngày làm việc + Thời hạn giải quyết tại Ủy ban nhân dân thành phố là 02 ngày làm việc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.	

III. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
Lĩnh vực khoáng sản			
1	T-HCM-272990-TT	Thủ tục cấp giấy phép khai thác khoáng sản (làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố)	Quyết định 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. (Bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình)

PHỤ LỤC 1

(Theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản)

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m^3/năm	1.000.000
b	Có công suất khai thác từ 5.000 m^3 đến 10.000 m^3/năm	10.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m^3/năm	15.000.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm	15.000.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	20.000.000
c	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	30.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	40.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này	
a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	40.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	50.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này	60.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	80.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	100.000.000